TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: **345**/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 07 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 379/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Anh Phan Tiến P**, sinh năm 1989; Địa chỉ: 14/6/17 đường B, phường Đ, thành phố H, tỉnh T.

2. **Chị Phan Thị Cẩm N**, sinh năm 1989; Địa chỉ: 14/6/17 đường B, phường Đ, thành phố H, tỉnh T.

Địa chỉ liên hệ: Lô C2, đường Đ, phường S, thành phố H, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Tiến P và chị Phan Thị Cẩm N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/10/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 và không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên anh P và chị N thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh P và chị N không thể hàn gắn và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh Phan Tiến P và chị Phan Thị Cẩm N.

[2] Về con chung: Anh Phan Tiến P và chị Phan Thị Cẩm N cùng xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Phan Thy Cẩm K, sinh ngày 19/7/2012. Hiện cháu K đang ở với anh P. Cháu K có nguyện vọng ở với ba.

Anh P và chị N tự nguyện thỏa thuận: Giao cháu Phan Thy Cẩm K, sinh ngày 19/7/2012 cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Tiến P và chị Phan Thị Cẩm N đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Tiến P và chị Phan Thị Cẩm N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh P, chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005938 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh P và chị N đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phan Tiến P và chị Phan Thị Cẩm N.

- Về con chung: Anh Phan Tiến P và chị Phan Thị Cẩm N có 01 con chung tên là Phan Thy Cẩm K, sinh ngày 19/7/2012. Hiện cháu K đang ở với anh P. Cháu K có nguyện vọng được ở với ba.

Anh P và chị N tự nguyện thỏa thuận: Giao cháu Phan Thy Cẩm K, sinh ngày 19/7/2012 cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Tiến P và chị Phan Thị Cẩm N đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Tiến P và chị Phan Thị Cẩm N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh P, chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005938 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh P và chị N đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm

2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- UBND phường 3, TX Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Hồng